|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM**  Số: /TTr-UBND  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Kon Tum, ngày tháng năm 2024* |

**Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế

trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Người cao tuổi năm 2009; Luật người khuyết tật năm 2010; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2156/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2021 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030; số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030; số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

Thực hiện Văn bản số 4059/BLĐTBXH-BTXH ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về có giải pháp tăng cường giải pháp đảm bảo cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) đối với người cao tuổi, người khuyết tật;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, Kỳ họp thứ 7 ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 quy định mức hỗ trợ đóng BHYT trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND*), cụ thể như sau:

**I.** **SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định các chế độ chính sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.*

- Tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.*

- Nghị quyết 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp *“trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xây dựng và ban hành chính sách, phân bổ nguồn lực và giám sát việc thực hiện chính sách giảm nghèo tại địa phương”.*

**2. Cơ sở thực tiễn**

Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ đóng BHYT từ ngân sách địa phương cho đối tượng thuộc hộ gia đình cận nghèo; Người thuộc hộ nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; Người nhiễm HIV chưa có thẻ BHYT; học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ rất cao của người dân trên địa bàn tỉnh tin tưởng vào các chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, đã thực sự đã tạo ra sự khuyến khích hết sức quan trọng để người dân tham gia BHYT, tạo động lực để người dân vươn lên thoát nghèo bên vững. Tuy nhiên, từ khi Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ban hành và triển khai thực hiện cho đến nay qua thời gian dài việc hỗ trợ mức đóng từ ngân sách cho nhóm học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP bổ sung đối tượng “Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” được hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng BHYT. Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định Nghị định số 75/2023/NĐ-CP: *“Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định này trong thời gian 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2023”,* như vậy nhóm đối tượng này chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ thời gian tối đa đến tháng 10 năm 2026.

Mặt khác, ngày 11 tháng 10 năm 2022BộLao động - Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 4059/BLĐTBXH-BTXH về việc có giải pháp tăng cường giải pháp đảm bảo cấp thẻ BHYT đối với người cao tuổi, người khuyết tật, đồng thời, tại Kế hoạch số 788/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2022-2025 đã đề ra mục tiêu của giai đoạn 2022-2025: *“100% người cao tuổi có thẻ BHYT”.*

**3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Căn cứ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn nêu, nhằm mở rộng đối tượng được hưởng mức hỗ trợ BHYT, đảm bảo chính sách an sinh xã hội, đảm bảo cho các đối tượng yếu thế, đối tượng khó khăn được sách chăm sóc sức khỏe là rất cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh thì việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND từ ngân sách địa phương cho đối tượng học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình, người dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật không có điều kiện mua BHYT, nhằm giúp cho đối tượng và người dân có điều kiện tham gia BHYT là đúng thẩm quyền, cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

1. Mục đích

- Nhằm hỗ trợ thêm mức đóng BHYT, giảm bớt một phần gánh nặng số tiền người tham gia BHYT tự đóng; khích lệ người dân chủ động tham gia BHYT để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của bản thân.

- Góp phần phát triển tỷ lệ dân số tham gia BHYT, phát triển bền vững số người tham gia BHYT, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu thực hiện bao phủ BHYT hàng năm và giai đoạn 2023-2025 được Thủ trướng Chính phủ giao.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết phải tuân thủ theo các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo tính chặt chẽ, hợp pháp, đảm bảo phù hợp với khả năng, nguồn lực của địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này điều chỉnh: “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND”.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện các chính sách BHYT.

- Đối tượng được hỗ trợ mức đóng BHYT: Học sinh, sinh viên; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình; người dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật không có điều kiện mua BHYT trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục tiêu của chính sách: ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND đảm bảo tính chặt chẽ và thống nhất, đúng với quy định của Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan.

2. Nội dung chính sách trong dự thảo Nghị quyết

- Sửa đổi, bổ sung quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương để đóng BHYT cho các nhóm đối tượng quy định tại Điều 4 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP; điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP; người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật không có điều kiện mua BHYT.

3. Giải pháp thực hiện chính sách

- Tăng mức hỗ trợ so với Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND, như sau:

+ Học sinh, sinh viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP: hỗ trợ **20%** mức đóng BHYT (*hiện nay, ngân sách địa phương hỗ trợ 10% theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND, ngân sách Trung ương hỗ trợ 30% theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP*).

+ Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP (đã được điều chỉnh tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP): hỗ trợ **20%** mức đóng BHYT (*hiện nay, ngân sách địa phương hỗ trợ 10% theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND, ngân sách Trung ương hỗ trợ 30% theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP*).

- Bổ sung thêm đối tượng hỗ trợ so với Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND:

+ Người dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP: hỗ trợ **20%** mức đóng BHYT (ngoài 70% mức ngân sách Trung ươnghỗ trợ theo Nghị định số 75/2023/NĐ-CP).

+ Người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật mới thoát nghèo không có điều kiện mua BHYT: hỗ trợ **70%** mức đóng BHYT.

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND “Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP[[1]](#footnote-1)”.

**V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**Bố cục:** Gồm có 03 Điều cụ thể, như sau:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum

1. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương để đóng bảo hiểm y tế cho:

a) Các nhóm đối tượng quy định tại Điều 4 của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP);

b) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS;

c) Người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật không có điều kiện mua bảo hiểm y tế.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2, như sau:

“c) Học sinh, sinh viên: Hỗ trợ 20%”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 2, như sau:

“d) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ 20%”.

c) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ Khoản 1 Điều 1, như sau:

“e) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Hỗ trợ20%”.

d) Bổ sung điểm g vào sau điểm e Khoản 1 Điều 1, như sau:

“g) Người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ là người cao tuổi từ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi hoặc người khuyết tật không có điều kiện mua BHYT: Hỗ trợ 70%.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2, như sau:

“2. Nguồn kinh phí thực hiện: Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác theo quy định”.

**Điều 2.** Bãi bỏ điểm b Khoản 1 Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

*(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Tổng hợp kết quả ý kiến Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh và các tài liệu có liên quan khác).*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí thực hiện

Dự kiến kinh phí ngân sách tăng thêm hàng năm từ năm 2024 khoảng **15.149.008.800** đồng/năm (hỗ trợ cho **116.522** đối tượng).

Riêng đối với nhóm đối tượng người dân tộc thiểu số theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP: Thời gian hỗ trợ từ năm 2024 đến hết tháng 10 năm 2026.

**2. Dự kiến nguồn lực**: Nguồn ngân sách của tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

**VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**: Kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*có dự thảo Nghị quyết, Báo cáo thực trạng chính sách và Báo cáo đánh giá tác động của chính sách và các tài liệu khác có liên quan gửi kèm theo*)./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - CVP, các PVP UBND tỉnh;  - Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội;  Tài chính; Tư Pháp;  - Bảo hiểm xã hội tỉnh;  - VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;  - Lưu: VT, KGVX.PTP | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Ngọc Tuấn** |  |  |

1. Ngày 27 tháng 01 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tại điểm a khoản 2 Điều 3 quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, theo đó hiện nay hộ nghèo và các dịch vụ xã hội cơ bản chỉ là tiêu chí để xác định hộ nghèo và không còn định nghĩa “hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập” hay “hộ nghèo theo tiêu chí thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản *(hộ nghèo đa chiều)*”, mà được gọi chung là “Hộ nghèo”. [↑](#footnote-ref-1)